TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 200/2022/KDTM-ST
Ngày: 09/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lương Quân

2. Ông Đặng Đình Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 56/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4490/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5259/2022/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V
Địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Trần Huỳnh L hoặc ông Nguyễn Thành P
Cùng địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 1949/2022/UQ-PGĐ ngày 12/8/2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH R
Địa chỉ: số F N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Nguyễn Hải H, sinh năm 1999
- Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1972
Cùng địa chỉ: số A, Tầng B, Lô C, Tầng Lâm T, phường H, quận L, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, Ngân hàng TMCP V có ông Trần Huỳnh L là người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty TNHH R (sau đây gọi tắt là Công ty R) đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 (sau đây gọi là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty R thẻ tín dụng quốc tế SME WE Card, hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Công ty R được ông Nguyễn Hải H và bà Phạm Thị Thu H1 bảo lãnh bằng Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.01 ngày 13/6/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.02 ngày 13/6/2019, theo đó ông H và bà H1 đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/6/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 23/6/2021, Công ty R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty R còn nợ Ngân hàng số tiền là 381.662.660 đồng (trong đó nợ gốc là 248.110.978 đồng, lãi quá hạn từ ngày 24/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 133.551.682 đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH R thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 381.662.660 đồng (trong đó nợ gốc là 248.110.978 đồng, lãi quá hạn là 133.551.682 đồng).

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH R tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP V theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 đã giao kết.

Trường hợp Công ty TNHH R không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông Nguyễn Hải H và bà Phạm Thị Thu H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.01 ngày 13/6/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.02 ngày 13/6/2019.

* Bị đơn Công ty TNHH R có đơn ngày 09/7/2022 trình bày: Do ảnh hưởng của dịch covid-19 nên Công ty R gặp nhiều khó khăn. Trong khoảng thời gian này, Công ty R có liên hệ Ngân hàng đề nghị hỗ trợ nhưng Ngân hàng thông báo chính sách hỗ trợ dịch covid-19 chỉ áp dụng đối với đối tượng vay tín chấp mà không hỗ trợ đối tượng thẻ tín dụng, do đó Công ty R không có cách khắc phục. Công ty R không thể thanh toán một lần như yêu cầu của Ngân hàng. Công ty R đề nghị được trả góp khoản nợ gốc và được miễn lãi, phí phát sinh.

Công ty R không trình bày thêm ý kiến và vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hải H và bà Phạm Thị Thu H1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty R đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 với Ngân hàng TMCP V, theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty R thẻ tín dụng với hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ông Nguyễn Hải H và bà Phạm Thị Thu H1 bảo lãnh bằng Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.01 ngày 13/6/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.02 ngày 13/6/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Công ty R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại Quận A. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Công ty TNHH R (sau đây gọi tắt là Công ty R) đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 (sau đây gọi là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty R thẻ tín dụng quốc tế SME WE Card, hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 29,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[4] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã cấp cho Công ty R thẻ tín dụng quốc tế SME WE Card với hạn mức thẻ là 250.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng,

từ ngày 23/6/2021, Công ty R đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/9/2022, Công ty R còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 248.110.978 đồng.

[5] Căn cứ mục 9 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 248.110.978 đồng.

[6] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định tại mục 5 và mục 9 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, lãi suất trong hạn là 29,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[7] Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 23/6/2021 do đó, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc từ ngày 24/6/2022 đến ngày xét xử là:

248.110.978 đồng x 29,5% x 150% x 444 ngày/365 ngày = 133.551.682 đồng.

[8] Như vậy, căn cứ mục 5, mục 9 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 133.551.682 đồng.

[9] Tổng cộng số tiền gốc và lãi quá hạn mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử là:

248.110.978 đồng + 133.551.682 đồng = 381.662.660 đồng.

[10] Về phương thức thanh toán: Bị đơn đề xuất thanh toán dần số tiền nợ gốc và xin miễn giảm lãi. Tuy nhiên đại diện nguyên đơn không đồng ý với đề xuất này của bị đơn. Do đó bị đơn có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã giao kết.

[12] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Ngân hàng và ông Nguyễn Hải H đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.01 ngày 13/6/2019. Cùng ngày, Ngân hàng và bà Phạm Thị Thu H1 đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.02 ngày 13/6/2019. Theo đó ông H và bà H1 đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/6/2019 của Công ty R.

[13] Xét thấy các bên đã lập Hợp đồng bảo lãnh là đúng quy định tại các Điều 335, Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng bảo lãnh có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực.

[14] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty R không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông Nguyễn Hải H và bà Phạm Thị Thu H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký, là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[15] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95, khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Điều 335, Điều 336, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH R có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 381.662.660 đồng (trong đó nợ gốc là 248.110.978 đồng, lãi quá hạn là 133.551.682 đồng).

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH R tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 13/6/2019 đã giao kết.

Trường hợp Công ty TNHH R không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì ông Nguyễn Hải H và bà Phạm Thị Thu H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.01 ngày 13/6/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 0086-2019/HĐBL/VPB-BEN.02 ngày 13/6/2019.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH R phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.083.133 đồng.

H2 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.037.070 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005669 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Nguyễn Mai Phương